|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH HẢI DƯƠNG  **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CẤU TRÚC ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 12**

**MÔN**: **LỊCH SỬ**

**I. YÊU CẦU CHUNG**

**1.** Nội dung kiến thức đề thi thuộc phạm vi chương trình Lịch sử lớp 10, 11,12 THPT do Bộ GDĐT ban hành

**2**. Đề ra đáp ứng yêu cầu đánh giá năng lực, phẩm chất học sinh; đảm bảo chính xác, khoa học, phân hoá được trình độ học sinh.

- Các câu hỏi trong đề phải tường minh, ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với thời gian quy định.

- Đề ra có tính sáng tạo, không sao chép nguyên hay một phần đề, câu hỏi đã có trước.

**3.** Hình thức: **Trắc nghiệm (30%) + Tự luận (70%)**

**4.** Thời gian làm bài: 150 phút.

**5.** Giới hạn kiến thức: Theo khung chuẩn PPCT tính đến tuần thứ 3 của tháng 10.2024

**6.** Yêu cầu khi biên soạn câu hỏi: Đối với môn Lịch Sử có 03 năng lực (Năng lực Tìm hiểu Lịch sử; Năng lực Tư duy và nhận thức Lịch sử; Năng lực Vận dụng Lịch sử). Khi biên soạn câu hỏi đề thi HSG, tập trung đánh giá được 02 năng lực và cần đạt được các tiêu chí sau:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tiêu chí của Năng lực Nhận thức***  ***và tư duy Lịch sử*** | ***Tiêu chí của Năng lực Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*** |
| - Giải thích được nguồn gốc, sự vận động của các sự kiện Lịch sử từ đơn giản đến phức tạp, chỉ ra được quá trình phát triển của lịch sử theo lịch đại và đồng đại. | - Rút ra được những bài học Lịch sử và vận dụng được kiến thức Lịch sử để lí giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống. |
| - So sánh được sự tương đồng và khác biệt giữa các sự kiện lịch sử, lý giải được mối quan hệ nhân quả trong tiến trình lịch sử. | - Có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề Lịch sử, phát triển năng lực sáng tạo, có khả năng tiếp cận và xử lý thông tin từ những nguồn khác nhau, có ý thức và năng lực tự học Lịch sử suốt đời |
| - Đưa ra được những ý kiến nhận xét, đánh giá của cá nhân về các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử trên cơ sở nhận thức và tư duy lịch sử; hiểu được sự tiếp nối và thay đổi của Lịch sử; biết suy nghĩ theo những chiều hướng khách nhau khi xem xét, đánh giá hay đi tìm câu trả lời về một sự kiện, nhân vật, quá trình Lịch sử. |

**II. MỨC ĐỘ NHẬN THỨC**

*- Thông hiểu:* 30% (TN 20 – TL 10%)

*- Vận dụng:* 70% (TN 10% ( DT2) - TL 60%)

*- Tổng số câu hỏi và các hình thức :*

+ Trắc nghiệm: 09 câu: 30% = 3,0 điểm, trong đó có: 08 câu hỏi nhiều lựa chọn; 01 câu Đ/S

+ Tự luận**: 4 câu**: 70% = 7.0 điểm (02 câu LSVN; 02 câu LSTG)

*- Tỉ lệ điểm và cơ sở xác định:*

+ Tỉ lệ điểm:

Lịch sử Việt Nam: 5.0 điểm (02 TL x 4.0 điểm + 04 TN DT1 x 0,25 điểm)

Lịch sử thế giới: 5.0 điểm (01 TL x 3,0 điểm + 04 TN DT1 x 0,25 = 1.0 điểm + 01 TN DT2 x 1.0 điểm)

- Cơ sở xác định tỉ lệ điểm: Căn cứ trên số tiết – tỉ lệ % của kiến thức của các chủ đề trong chương trình:

**III. KHUNG MA TRẬN ĐỀ THI.**

***Ghi chú:***

*- Dạng thức 1 (DT1): Là câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn trong đó có 01 lựa chọn đúng.*

*- Dạng thức (DT2): Là câu hỏi lựa chọn Đ/S – trong 01 câu có 4 ý = 1.0 điểm.*

*+ Cách tính điểm: Đúng 01 ý = 0.1 điểm; Đúng 02 ý = 0,25 điểm; đúng 03 ý = 0,75 điểm; Đúng 4/4 ý = 1,0 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức**  (Chương/ Chủ đề, mảng kiến thức) | | | **NL: Nhận thức và tư duy Lịch sử.**  **Cấp độ tư duy:**  **Thông hiểu** | | **Năng lực: Vận dụng kiến thức và kĩ năng.**  **Cấp độ tư duy: Vận dụng** | | **Tổng câu/ điểm** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| I | ***LỊCH SỬ VIỆT NAM (5.0 ĐIỂM)*** | | | | | | | |
| 01 | **Chủ đề 4**  - Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945  - Liên hệ thực tiễn | I. Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong Lịch sử Việt Nam  II. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong Lịch sử Việt Nam (từ TK III TCN đến cuối TK XIX) | | 04  (DT1) | 1 câu  1,0 điểm |  | 01 câu  ***1,5 điểm*** | 3,5 câu  ***3.5 điểm*** |
| 02 | **Chủ đề 5**  - Một số cuộc cải cách lớn trong Lịch sử Việt Nam trước năm 1858.  - Liên hệ thực tiễn | I. Bối cảnh.  II. Nội dung: Cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ; Cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV); Cuộc cải cách của Minh Mạng ( nửa đầu TK XIX).  III. Kết quả, ý nghĩa, bài học. | |  |  |  | 01 câu  ***1,5 điểm*** | 3,5 câu  ***1.5 điểm*** |
| **II** | ***LỊCH SỬ THẾ GIỚI (5.0 ĐIỂM)*** | | | | | | | |
| 03 | **Chủ đề:**  **Sự hình thành và phát triển của 2 hệ thống TBCN và XHCN đến nay.** | I. Sự xác lập của CTNB và CNXH.  *II. Khái quát về sự mở rộng, phát triển của CNTB và CNXH*  III*.* Quan hệ quốc tế trong và sau chiến tranh lạnh | | 02  (DT1) |  | 01 câu  (DT2)  ***= 1,0 điểm*** | 01 câu  ***1,5 điểm*** | 07 câu  ***5,0 điểm*** |
| 04 | **Chủ đề:**  **Đông Nam Á từ thế kỉ XVI – nay.** | I. Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở ĐNA (cuối TK XIX đến những năm 80)  II. ASEAN – những chặng đường lịch sử. | | 02 câu  (DT1) |  | 01 câu  ***1.5 điểm*** |
|  | | | **Tổng câu** | **08** | **0 1** | **01** | **4.0** | **13** |
|  | | | **Tổng điểm** | **2.0** | **1.0** | **1.0** | **6.0** | **10,0** |
|  | | | **Tỷ lệ chung** | **30%** | | **70%** | | **100%** |

**4. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức**  (Chương/ Chủ đề, mảng kiến thức) | **Năng lực** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Tổng câu/ điểm** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| **I** |  |  | **PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM (5,0 ĐIỂM)** | | | | | |
| 1 | **- Chủ đề 4**  Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945 | - NL nhận thức và tư duy LS  - NL vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học (vào thực tiễn/cuộc sống) | - Nêu được vị trí địa chiến lược của Việt Nam; phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.  - Một số cuộc kháng chiến tiêu biểu:  + Bối cảnh lịch sử.  + Nguyên nhân thắng lợi/ thất bại.  + Ý nghĩa lịch sử.  + Rút ra những bài học lịch sử đối với sự nghiệp bảo vệ tổ quốc hiện nay.  - Nghệ thuật quân sự  - Liên hệ thực tiễn | 02  (DT1) | ½ câu  0,5 điểm |  | 01 câu  ***1,5 điểm*** | 3,5 câu  ***2.5 điểm*** |
| 2 | **- Chủ đề 5**  Một số cuộc cải cách lớn trong Lịch sử Việt Nam trước năm 1858. | - NL nhận thức và tư duy LS  - NL vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học (vào thực tiễn/cuộc sống) | - Bối cảnh, nội dung, kết quả, ý nghĩa.  - Tính chất, vai trò các cuộc cải cách trong tiến trình lịch sử Việt Nam  - Liên hệ thực tiễn. | 02  (DT1) | ½ câu  0.5 điểm |  | 01 câu  ***1,5 điểm*** | 3,5 câu  ***2.5 điểm*** |
| **II** | **PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI (5,0 ĐIỂM)** | | | | | | | |
| 3 | **Chủ đề 1**  **Sự hình thành và phát triển của 2 hệ thống TBCN và XHCN đến nay.** | - NL nhận thức và tư duy LS  - NL vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học (vào thực tiễn/cuộc sống) | - Sự xác lập của CTNB và CNXH:  *- Khái quát về sự mở rộng, phát triển của CNTB và CNXH*  -Quan hệ quốc tế trong và sau chiến tranh lạnh  + Liên Hợp Quốc: Quá trình hình thành và mục tiêu, nguyên tắc, vai trò.  + Sự hình thành, tồn tại, xói mòn và sụp đổ, tác động của trật tự 2 cực Ianta với tình hình thế giới.  + Xu thế chính của thế giới sau chiến tranh lạnh.  - Liên hệ. | 02  (DT1) |  | 01 câu  (DT2)  ***= 1,0 điểm*** | 01 câu  ***1,5 điểm*** | 07 câu  ***5,0 điểm*** |
| 4 | **Đông Nam Á từ thế kỉ XVI – nay.** | - NL nhận thức và tư duy LS  - NL vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học (vào thực tiễn/cuộc sống) | - Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở ĐNA (cuối TK XIX đến những năm 80), kết quả và tác động của nó tới ASEAN  - ASEAN: Sự ra đời, phát triển; quá trình từ ý tưởng đến hiện thực.  - Liên hệ. | 02  (DT1) |  | 01 câu  ***1.5 điểm*** | 03 câu  ***2,0 điểm*** |
|  |  | **Tổng câu** | | **08** | **0 1** | **01** | **4.0** | **13** |
|  |  | **Tổng điểm** | | **2.0** | **1.0** | **1.0** | **6.0** | **10,0** |
|  |  | **Tỷ lệ chung** | | **30%** | | **70%** | | **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TM. TỔ XÂY DỰNG CẤU TRÚC**  **..................** | *Hải Dương, ngày 16 tháng 7 năm 2024*  **KT. GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **Đỗ Duy Hưng**  **MỘT SỐ NỘI DUNG THAY ĐỔI**  **- Bỏ lớp 10**  **- lấy chủ đề 1,2 của lớp 11 kết nối với chủ đề 1 của lớp 12.**  **- Lấy chủ đề 3 của lớp 11 – kết nối với chủ đề 2 của lớp 12 thành mảng vấn đề.**  **- Chủ đề 4,5 giữ nguyên**  **- Giảm chủ đề biển đảo – lấy một phần nhỏ.**  **- Tăng thế giới – Việt Nam: 50 - 50** |